

**BẢNG ĐIỂM TỔNG HỢP LỚP TBN22B
HỌC KỲ I NĂM HỌC 2023-2024**

STT	MSHS	Họ và tên		Ngày sinh	Công nghệ sau thu hoạch nông sản(2)	Chế biến đồ hộp rau quả(2)	Kiểm nghiệm chất lượng nông sản(3)	Chế biến và bảo quản rau quả đông lạnh(2)	Quản lý chất lượng theo ISO, HACCP(2)	Bao bì thực phẩm(2)	Điểm TB	Xếp loại
1	2256201021270	Lâm Quốc	Bảo	03/03/2007	7.0	6.0	7.5	8.0	8.0	8.9	7.6	Khá
2	2256201021271	Mai Hoàng Bảo	Chiêu	27/06/2007	7.3	8.5	8.4	6.5	8.9	8.6	8.1	Giỏi
3	2256201021276	Nguyễn Long	Giang	30/11/2007	7.7	7.3	7.9	7.1	8.7	8.9	7.9	Khá
4	2256201021277	Trương Nhật	Hào	20/10/2007	7.0	8.2	7.6	8.2	8.7	8.9	8.1	Giỏi
5	2256201021278	Ngô Dương Trung	Hậu	22/05/2007	5.9	2.6	2.3	7.1	8.0	3.4	4.7	Yếu
6	2256201021280	Huỳnh Trí	Khang	16/11/2006	8.1	8.4	7.2	7.1	7.7	8.8	7.8	Khá
7	2256201021282	Trần Trúc	Lam	28/11/2007	6.8	8.9	8.5	7.7	9.3	8.5	8.3	Giỏi
8	2256201021283	Phạm Chí	Linh	03/04/2007	9.1	9.2	9.0	8.6	9.4	9.0	9.0	Xuất sắc
9	2256201021284	Lê Thành	Nam	03/10/2006	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu
10	2256201021285	Nguyễn Văn	Nam	25/09/2006	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu
11	2256201021286	Nguyễn Hữu	Quốc	05/09/2006	7.9	8.5	6.2	7.2	8.7	7.3	7.5	Khá
12	2256201021287	Lê Thị Bảo	Ngân	03/10/2007	7.9	2.8	6.9	2.8	8.3	3.9	5.5	Trung bình
13	2256201021288	Hồ Thị Tuyết	Nhi	28/10/2007	7.9	6.4	8.6	6.9	9.4	7.9	7.9	Khá
14	2256201021289	Bùi Thanh	Nhật	28/12/2007	6.6	7.9	8.5	6.6	8.5	8.1	7.8	Khá
15	2256201021290	Nguyễn Hữu	Tâm	14/07/2007	6.6	7.5	7.7	7.2	9.1	9.3	7.9	Khá
16	2256201021291	Lê Minh	Thắng	03/07/2007	6.1	9.1	7.5	4.6	8.5	9.0	7.5	Khá
17	2256201021294	Nguyễn Chí	Thiện	28/11/2007	8.0	9.2	7.8	4.9	9.0	8.3	7.9	Khá
18	2256201021295	Huỳnh Văn	Thông	15/04/2007	7.8	9.1	7.4	7.5	9.0	8.1	8.1	Giỏi

STT	MSHS	Họ và tên		Ngày sinh	Công nghệ sau thu hoạch nông sản(2)	Chế biến đồ hộp rau quả(2)	Kiểm nghiệm chất lượng nông sản(3)	Chế biến và bảo quản rau quả đông lạnh(2)	Quản lý chất lượng theo ISO, HACCP(2)	Bao bì thực phẩm(2)	Điểm TB	Xếp loại
19	2256201021296	Trần Phước	Tiến	08/07/2007	6.2	8.9	8.2	6.8	9.3	8.2	8.0	Giỏi
20	2256201021297	Trần Đức	Toàn	10/12/2007	9.2	9.4	8.4	8.2	9.3	8.4	8.8	Giỏi
21	2256201021298	Phan Thị Bảo	Trâm	10/04/2007	8.5	8.9	8.5	7.2	9.1	8.4	8.4	Giỏi
22	2256201021299	Bùi Thị Ngọc	Trân	10/03/2007	8.1	8.8	8.7	7.7	9.3	7.6	8.4	Giỏi
23	2256201021300	Huỳnh Trung	Nhân	11/10/2006	8.7	8.7	8.5	6.8	9.0	9.2	8.5	Giỏi
24	2256201021301	Nguyễn Hữu	Trung	30/10/2005	6.0	4.2	7.1	3.6	5.9	5.0	5.4	Trung bình

TL. HIỆU TRƯỞNG
TP. Đào tạo

Châu Đốc, ngày 02 tháng 02 năm 2024
Người lập bảng

Ths. Trần Thanh Dũng

Trần Quốc Thái